

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mua

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2018/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Ngọc G, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp P.A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1971; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P.A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà G trình bày:

Về hôn nhân: Bà G và ông T1 tổ chức lễ cưới vào năm 1990, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc khoảng được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 5 năm 2018 thì vợ chồng ly thân nhau cho đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo bà G trình bày là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Ông T1 không quan tâm chăm sóc đời sống vợ con thường xuyên đánh đập bà G. Từ sau khi cưới về sống chung được hơn 01 năm thì ông T1 thường xuyên đánh bà G, nhất là sau khi bà G sinh con được 06 tháng thì ngày càng đánh đập nhiều hơn, mỗi lần bị đánh thì bà G phải nhập viện điều trị nhưng do thương con nên bà G chịu đựng, bà G có khuyên ngăn nhưng ông T1 vẫn không thay đổi. Đến tháng 3 năm 2018 do không thể chịu đựng được nữa nên bà G bỏ đi Bình Dương làm cho đến nay không dám về nhà vì sợ ông T1 đánh.

Về con chung: Bà G trình bày có 02 con chung tên Phạm Ngọc S, sinh ngày 24-12-1990 và Phạm Văn P, sinh ngày 16-6-1996. Hiện các con đã trưởng thành. Vợ chồng không có con riêng, con nuôi gì khác.

Về tài sản chung: Bà G trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà G trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà G yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T1; Về con chung là Phạm Ngọc S, sinh ngày 24-12-1990 và Phạm Văn P, sinh ngày 16-6-1996, hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung bà G trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phạm Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như ngày mở phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do đồng thời không có ý kiến phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của bà G.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn ông Phạm Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án cho ông T1 đúng theo quy định pháp luật nhưng ông T1 không đến và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phan Ngọc G giữ yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T1; Về con chung là Phạm Ngọc S, sinh ngày 24-12-1990 và Phạm Văn P, sinh ngày 16-6-1996, hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung bà G trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Phạm Văn T1 vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc G.

[2.1] Xét về hôn nhân: Bà Phan Ngọc G và ông Phạm Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là đúng theo quy định pháp luật. Nên việc bà G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T1 là có cơ sở xem xét.

Bà G trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không có tiếng nói chung, sống chung một thời gian thì bất đồng quan điểm sống, ông Giàu không lo làm ăn và không lo lắng gì cho vợ con, thường xuyên đánh bà G, đời sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên cự cãi với nhau, bà G có khuyên ngăn nhưng ông T1 không thay đổi. Lúc bà G mới sinh con được 06 tháng thì ông T1 đã có hành vi bạo lực, đánh đập bà G, theo thời gian thì việc ông T1 đánh đập bà G vẫn diễn ra và còn đánh nhiều hơn cho đến khi ly thân. Đến tháng 5 năm 2018 là đỉnh điểm nhất vì bà G bị ông T1 đánh đến phải nhập viện điều trị. Vì quá sợ hãi bà G đã bỏ đi Bình Dương làm cho đến nay không dám về nhà.

Về phần ông T1 thì trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần mời đến Tòa án để vợ chồng hòa giải, thông báo về ngày xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu của bà G thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay bà G xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông T1 không còn nữa. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà G và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G đối với ông T1 theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ;

[2.2] Xét về con chung: Có 02 con chung là Phạm Ngọc S, sinh ngày 24-12-1990 và Phạm Văn P, sinh ngày 16-6-1996, hiện các con đã trưởng thành bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con riêng, con nuôi không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

[2.3] Xét về tài sản chung: Bà Phan Ngọc G không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

[2.4] Xét về nợ chung: Bà Phan Ngọc G trình bày trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai hay ngược lại không có ai nợ vợ chồng và khoảng yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án dân sự sơ thẩm: Bà Phan Ngọc G phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010957, ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Bà Phan Ngọc G;
- Về hôn nhân: Cho bà Phan Ngọc G được ly hôn với ông Phạm Văn T1;
 - Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Ngọc S, sinh ngày 24-12-1990 và Phạm Văn P, sinh ngày 16-6-1996, hiện các con đã trưởng thành bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con riêng, con nuôi không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.
 - Về tài sản chung: Bà Phan Ngọc G không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.
 - Về nợ chung: Bà Phan Ngọc G trình bày trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai hay ngược lại không có ai nợ vợ chồng và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Ngọc G phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010957, ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện T : 02
- THADS huyện T: 01
- Nơi đăng ký kết hôn
- Dương sự
- Lưu: 03

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hồ Kim Liên